

DANH SÁCH NHÂN SỰ BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH SÓC TRĂNG NHIỆM KỲ 2022-2027



DANH SÁCH NHÂN SỰ BTS GHPGVN TỈNH SÓC TRĂNG NHIỆM KỲ 2022-2027



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Số: 167/QĐ-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng
nhiệm kỳ 2022 - 2027**

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Căn cứ điều 29, 30, 31, 33 chương VI Hiến chương GHPGVN (Tu chỉnh lần thứ VI);

Căn cứ mục 2 điều 32 Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;

Căn cứ công văn số 642/SNV-TG ngày 24/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ đề nghị số 042/ĐN-BTS ngày 01/4/2022 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, nhiệm kỳ X (2022 - 2027).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ X (2022 - 2027), gồm 10 thành viên Ban Chứng minh; 75 thành viên Ban Trị sự (Ban Thường trực: 29 vị, Ủy viên: 34 vị, Ủy viên Dự khuyết: 12 vị), do Hòa thượng Vi Ni Ya Tha Ro (Tăng Nô) làm Trưởng Ban Trị sự (danh sách đính kèm).

Điều 2 : Tổng Thư Ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng và các vị có tên tại điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3 : Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 2 “để thực hiện”
- Ban TGCP, Vụ PG “để b/c”
- UBND, BDV, UBMTTQVN, BTG/SNV
- Tỉnh Sóc Trăng “để biết”
- Lưu VP1 - VP2

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHÂN SỰ BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH SÓC TRĂNG
NHIỆM KỲ 2022 - 2027**

(Kèm theo Quyết định số 167/QĐ-HĐTS ngày 11/04/2022)

A. BAN CHỨNG MINH:

1. Hòa thượng AggaJàti (Dương Nhơn)
2. Hòa thượng Rakkhita Dhammo (Thạch Huôn)
3. Hòa thượng Thích Minh Hồng (Lê Văn Hoàng)
4. Hòa thượng Akesmunikosathero (Thạch Sách)
5. Hòa thượng Sathispalo (Sơn Suôi)
6. Hòa thượng Therapanho (Thạch Thi)
7. Hòa thượng Thích Trí Phát (Cao Văn Chương)
8. Hòa thượng Thích Trí Huệ (Dương Văn Mẫu)
9. Hòa thượng Thomesthe (Hồng Kim Phương)
10. Hòa thượng Ratana Sôvană (Kim Rêne).

B. BAN TRỊ SỰ:

I. BAN THƯỜNG TRỰC:

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1.	Hòa thượng Vi Ni Ya Tha Ro (Tăng Nô)	1942	Trưởng ban Trị sự
2.	HT. Thích Minh Hạnh (Tô Văn Lập)	1964	Phó Trưởng ban Thường trực BTS, Trưởng ban Giáo dục Phật giáo
3.	TT. Thích Thiện Thạnh (Nguyễn Văn Tốt)	1952	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Tăng sự
4.	HT. Thích Minh Thành (Nguyễn Văn Chiến)	1953	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Pháp chế
5.	HT. So Vanh Nă Panh Nha (Trần Kiến Quốc)	1955	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Văn hóa
6.	HT. Ratana Panno (Thạch Sông)	1952	Phó Trưởng ban Trị sự
7.	HT. Thích Minh Phúc (Huỳnh Tòng Phong)	1957	Phó Trưởng ban Trị sự
8.	TT. Thích Nhựt Quang (Ung Văn Chính)	1964	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Hoằng pháp
9.	TT. ChanhTêThê PanhNha (Lý Đức)	1970	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Kiểm soát

10.	TT. Thích Thanh Lập (Trần Đức Thân)	1968	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử
11.	ĐĐ. Thích Thiện Nguyên (Trương Văn Pháp)	1977	Phó Trưởng ban kiêm Chánh Thư ký Ban Trị sự
12.	TT. Dhamma Palo (Trần Văn Tha)	1968	Phó Trưởng ban Trị sự, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế
13.	TT. Thích Trung Túc (Trần Văn Liêm)	1973	Trưởng ban Từ thiện Xã hội
14.	TT. Thích Huệ Nghiêm (Văn Công Luận)	1971	Trưởng ban Kinh tế Tài chính
15.	ĐĐ. Thích Minh Quy (Thích Minh Quy)	1981	Trưởng ban Nghi lễ
16.	TT. Thích Tâm Thành (Lưu Minh Nhút)	1975	Trưởng ban Thông tin Truyền thông
17.	ĐĐ. Thích Định Hương (Nguyễn Khương Phụng)	1969	Phó Thư ký, Chánh Văn phòng Ban Trị sự
18.	ĐĐ. Thích Minh Kiến (Trần Khánh Hiếu)	1982	Phó Thư ký, Phó Văn phòng Ban Trị sự
19.	NS. Thích nữ Viên Trung (Lâm Thị Mỹ Ngọc)	1960	Thủ quỹ Ban Trị sự
20.	HT. Khànhtắp Pidô (Trần Sia)	1958	Ủy viên Thường trực
21.	HT. Chêṭṭă Năṭhê (Dương Nê)	1955	Ủy viên Thường trực
22.	HT. Dutănhennô (Lâm Sương)	1960	Ủy viên Thường trực
23.	TT. SachChănsNon KolĐaRaNaRich (Thạch Bonl)	1965	Ủy viên Thường trực
24.	TT. Rămoni Panha (Lý Hải)	1969	Ủy viên Thường trực
25.	TT. TểSaRa NăṭheRô (Thạch Thươl)	1973	Ủy viên Thường trực
26.	ĐĐ. Anhta Panhnhô (Lý Sà Rên)	1966	Ủy viên Thường trực

- | | | | |
|-----|--|------|---------------------|
| 27. | ĐĐ. Thích Thiện Minh
(Ung Văn Hiên) | 1971 | Ủy viên Thường trực |
| 28. | ĐĐ. Thích Tâm Đạt
(Nguyễn Văn Dũng) | 1975 | Ủy viên Thường trực |
| 29. | SC. Thích nữ Huệ Châu
(Lê Thị Bảo Thơ) | 1974 | Ủy viên Thường trực |

II. ỦY VIÊN BAN TRỊ SỰ:

- | | | | |
|-----|--|------|---------|
| 30. | TT. Thích Trung Đa
(Trần Văn Qui) | 1973 | Ủy viên |
| 31. | TT. Dhamma Thero
(Thạch Pích) | 1966 | Ủy viên |
| 32. | TT. Thích Lệ Phát
(Thạch Lộc) | 1964 | Ủy viên |
| 33. | TT. Thích Phước Duyên
(Võ Văn Thành) | 1969 | Ủy viên |
| 34. | TT. A KesRisSô
(Lý Đen) | 1964 | Ủy viên |
| 35. | TT. So Van Năh Panh Nha
(Sơn Thươl) | 1970 | Ủy viên |
| 36. | TT. Sô Wana Panhnha
(Kim Xua) | 1969 | Ủy viên |
| 37. | TT. Thích Minh Thành
(Liêu Minh Trung) | 1966 | Ủy viên |
| 38. | ĐĐ. Thomes Thero
(Sơn Hoàng) | 1962 | Ủy viên |
| 39. | ĐĐ. Prumes Thero
(Lâm Hiệp) | 1960 | Ủy viên |
| 40. | ĐĐ. Chotanh Nhenô
(Liêu Huyền) | 1975 | Ủy viên |
| 41. | ĐĐ. Rămoni Panhnha
(Sơn Lợi) | 1977 | Ủy viên |
| 42. | ĐĐ. Thích Trung Thạnh
(Ung Văn Thương) | 1977 | Ủy viên |
| 43. | ĐĐ. Sô Wana Panhnho
(Danh Suông) | 1979 | Ủy viên |

44.	ĐĐ. Telaka Dhammo (Sơn Minh Hiền)	1985	Ủy viên
45.	ĐĐ. Thích Phước Sơn (Nguyễn Minh Sơn)	1970	Ủy viên
46.	ĐĐ. Konta Viro (Sơn Sang)	1977	Ủy viên
47.	ĐĐ. Thích Huệ Trọng (Trần Sơn Thạnh)	1978	Ủy viên
48.	ĐĐ. Thích Đức Chiêu (Nguyễn Thanh Quang)	1961	Ủy viên
49.	ĐĐ. Thích Quảng Trí (Nguyễn Hoàng Duy)	1979	Ủy viên
50.	ĐĐ. Thích Minh Hảo (Nguyễn Văn Thạnh)	1973	Ủy viên
51.	ĐĐ. Thích Thiện Lộc (Nguyễn Hồng Linh)	1987	Ủy viên
52.	ĐĐ. Kanta Silo (Tăng Hoàn Na)	1973	Ủy viên
53.	ĐĐ. Gunkaro (Lý Thành)	1988	Ủy viên
54.	ĐĐ. A This Panh Nhô (Lý Đa)	1979	Ủy viên
55.	NS. Thích nữ Hiệp Liên (Nguyễn Thị Gấm)	1965	Ủy viên
56.	NS. Thích nữ Huệ Liên (Lý Thị Lã)	1964	Ủy viên
57.	NS. Thích nữ Minh Hiếu (Lưu Thị Mỹ Duyên)	1965	Ủy viên
58.	SC. Thích nữ Huệ Hà (Quách Thị Kim Loan)	1983	Ủy viên
59.	SC. Thích nữ Huệ Hậu (Trần Thơm Diệu)	1980	Ủy viên
60.	SC. Thích nữ Liên Tâm (Đàm Thị Thanh)	1971	Ủy viên
61.	SC. Thích nữ Huệ Thuận (Phan Thị Thủy)	1991	Ủy viên

- | | | | |
|-----|---|------|---------|
| 62. | SC. Thích nữ Huệ Phúc
(Lưu Mỹ Ngọc) | 1972 | Ủy viên |
| 63. | Cư sĩ Định Phương
(Mã Tố Phương) | 1953 | Ủy viên |

III. ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT:

- | | | | |
|-----|--|------|-------------------|
| 64. | ĐĐ. Thích Tâm Hòa
(Ung Văn Vện) | 1988 | Ủy viên dự khuyết |
| 65. | ĐĐ. Thích Thiện Bửu
(Nguyễn Văn Dũ) | 1979 | Ủy viên dự khuyết |
| 66. | ĐĐ. Thích Lệ Tường
(Huỳnh Quốc Quang) | 1990 | Ủy viên dự khuyết |
| 67. | ĐĐ. Thích Thiện Ý
(Lê Minh Thịnh) | 1980 | Ủy viên dự khuyết |
| 68. | ĐĐ. Thích Trung Hữu
(Võ Minh Phụng) | 1973 | Ủy viên dự khuyết |
| 69. | ĐĐ. Thích Phước Định
(Nguyễn Văn Kiên) | 1992 | Ủy viên dự khuyết |
| 70. | ĐĐ. Thích Thiện Từ
(Nguyễn Đình Sinh) | 1979 | Ủy viên dự khuyết |
| 71. | ĐĐ. Thích Đạt Ma Hưng Tuệ
(Lê Văn Thuận) | 1988 | Ủy viên dự khuyết |
| 72. | ĐĐ. Thích Quảng Thiện
(Phan Việt Kháng) | 1986 | Ủy viên dự khuyết |
| 73. | ĐĐ. Thích Thiên Đăng
(Ngô Thanh Tùng) | 1996 | Ủy viên dự khuyết |
| 74. | ĐĐ. Yasa Palô
(Ngô Văn Ly) | 1992 | Ủy viên dự khuyết |
| 75. | ĐĐ. Bamothi Sangkho
(Thạch Liên) | 1983 | Ủy viên dự khuyết |